

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ

Số: /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Trị, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Phương án kỹ thuật - dự toán Kiểm kê đất đai
và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 tỉnh Quảng Trị
(Phần thực hiện tại cấp tỉnh)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Các tổ chức tín dụng ngày 29/6/2024;

Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 23 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024;

Căn cứ Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 105/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 3194/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2024 của UBND quy định về việc ban hành quy định phân công nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Văn bản số 6237/BTNMT- ĐKDLTTĐĐ ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về kiểm kê đất đai năm 2024;

Căn cứ Kế hoạch số 189/KH UBND ngày 03 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 250/TTr-SNNMT ngày 09/5/2025 và Văn bản số 2093/SNNMT-QLĐĐ&ĐĐBĐ ngày 29/5/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án kỹ thuật - dự toán Kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 tỉnh Quảng Trị (*Phần thực hiện tại cấp tỉnh*), với các nội dung sau:

1. Tên nhiệm vụ: Phương án kỹ thuật - dự toán Kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 tỉnh Quảng Trị.

2. Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Trị.

3. Nội dung thực hiện:

3.1. Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng của cấp tỉnh.

a) Nội dung kiểm kê đất đai.

Số liệu kiểm kê đất đai cấp tỉnh được tổng hợp từ số liệu kiểm kê đất đai cấp huyện thông qua phần mềm tổng hợp do Bộ Tài nguyên và Môi trường cung cấp.

b) Bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp tỉnh:

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp tỉnh được lập trên cơ sở tích hợp, tiếp biên, tổng hợp, khái quát hóa nội dung từ bản đồ hiện trạng sử dụng đất của cấp huyện.

- Sử dụng phần mềm MicroStation để biên tập bản đồ hiện trạng sử dụng đất; xây dựng báo cáo thuyết minh bản đồ hiện trạng sử dụng đất.

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất phải thể hiện đầy đủ các yếu tố nội dung như: cơ sở toán học, đường địa giới, ranh giới các khoanh đất, yếu tố giao thông, thủy lợi, địa hình...

c) Xây dựng báo cáo kết quả kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.

3.2. Kiểm kê đất đai chuyên đề.

Kiểm kê đất đai chuyên đề theo văn bản số 6237/BTNMT-ĐKDLTTĐĐ ngày 16/09/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, bao gồm:

- Tình hình quản lý, sử dụng đất có nguồn gốc nông, lâm trường sẽ thực hiện kiểm kê toàn bộ diện tích đất của các công ty nông, lâm nghiệp đang quản lý, sử dụng.

- Tình hình đất khu vực sạt lở, bồi đắp trong 05 năm (2020-2024), bao gồm Diện tích bị sạt lở (khu vực bờ sông, khu vực đồi núi, khu vực bờ biển), diện tích bồi đắp (khu vực bờ sông, khu vực bờ biển).

- Tình hình quản lý, sử dụng đất sân gôn; cảng hàng không, sân bay.

4. Sản phẩm và hồ sơ giao nộp:

Hồ sơ cấp tỉnh giao nộp Bộ Nông nghiệp và Môi trường gồm:

4.1. Hồ sơ kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất:

- Báo cáo kết quả kiểm kê đất đai đã được phê duyệt (01 bộ giấy và 01 bộ số);
- Biểu số liệu kiểm kê đất đai cấp tỉnh quy định tại điểm a, b, c, d và d khoản 1 Điều 5 Thông tư 08/2024/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường và báo cáo thuyết minh hiện trạng sử dụng đất đã được phê duyệt (01 bộ giấy và 01 bộ số);
- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất kèm báo cáo thuyết minh bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp tỉnh đã được phê duyệt (01 bộ giấy và 01 bộ số định dạng *.dgn);
- Hồ sơ kết quả kiểm kê đất đai cấp huyện quy định tại khoản 2 Điều 23 Thông tư 08/2024/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường (01 bộ số);
- Hồ sơ kết quả kiểm kê đất đai cấp xã quy định tại khoản 1 Điều 23 Thông tư 08/2024/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường (01 bộ số).

4.2. Hồ sơ kiểm kê chuyên đề:

- Báo cáo kết quả khu vực đất sạt lở, bồi đắp và đất có nguồn gốc từ nông, lâm trường theo Công văn số 6237/BTNMT-ĐKDLTĐĐ ngày 16/09/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- Kết quả kiểm kê chuyên đề về tình hình quản lý, sử dụng đất cảng hàng không, sân bay (Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong việc thực hiện).

5. Giá trị dự toán (làm tròn): 444.883.000 đồng. (Bằng chữ: Bốn trăm bốn mươi bốn triệu, tám trăm tám mươi ba ngàn đồng)

Trong đó:

STT	Nội dung công việc	Kinh phí	Ghi chú
	Tổng cộng	444.882.767	
I	Chi phí thực hiện kiểm kê	284.220.029	
1	Kiểm kê đất đai	95.086.371	
2	Lập bản đồ HTSD đất	69.093.200	
3	Kiểm kê chuyên đề	120.040.458	
II	Kiểm tra nghiệm thu cấp tỉnh	10.677.869	
III	Chi phí khảo sát, lập dự toán	8.720.981	
IV	Chi phí phục vụ kiểm kê	110.902.000	
V	Thuế GTGT (I+II+III) x10%	30.361.888	

(Có phụ lục kèm theo)

6. Nguồn kinh phí: Nguồn sự nghiệp tài nguyên và môi trường.

7. Thời gian thực hiện: Năm 2024 và năm 2025.

8. Phương thức thực hiện: Ủy quyền Chủ đầu tư đặt hàng đơn vị sự nghiệp trực thuộc thực hiện nhiệm vụ kiểm kê. Các nội dung công việc khác thực hiện theo quy định pháp luật về đấu thầu.

Điều 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Phương án kỹ thuật - dự toán Kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 tỉnh Quảng Trị, đảm bảo chất lượng, hiệu quả và tiến độ theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 698/QĐ-UBND ngày 07/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Khu vực XI (Phòng Giao dịch số 10) và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT_{Tuần}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Q. CHỦ TỊCH

Hoàng Nam

Phụ lục
DỰ TOÁN KINH PHÍ KIỂM KÊ ĐẤT ĐAI VÀ LẬP BẢN ĐỒ HTSD ĐẤT
(Phần thực hiện tại cấp tỉnh)

STT	Nội dung công việc	Kinh phí	Ghi chú	Năm 2024	Năm 2025
	Tổng cộng	444.882.767		23.940.000	420.942.767
I	<i>Chi phí thực hiện kiểm kê và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024</i>	284.220.029	Chi tiết tại Biểu 01		284.220.029
1	Kiểm kê đất đai	95.086.371			95.086.371
2	Lập bản đồ HTSD đất	69.093.200			69.093.200
3	Kiểm kê chuyên đề	120.040.458			120.040.458
II	<i>Kiểm tra nghiệm thu</i>	10.677.869	Chi tiết tại Biểu 02		10.677.869
	<i>Cấp tỉnh</i>	10.677.869			10.677.869
III	<i>Chi phí khảo sát, lập dự toán</i>	8.720.981	Chi tiết tại Biểu 02		8.720.981
IV	<i>Chi phí phục vụ kiểm kê</i>	110.902.000	Chi tiết tại Biểu 04	23.940.000	86.962.000
1	Công tác tuyên truyền		Lồng ghép vào chuyên mục của Sở		
2	Hội nghị Tập huấn, triển khai, tổng kết	53.280.000	Chi tiết tại Biểu 04	23.940.000	29.340.000
3	Chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra	10.000.000			10.000.000
4	Hội thảo, tham gia ý kiến	3.330.000			3.330.000
5	Công bố, lưu trữ số liệu	43.100.000			43.100.000
6	Mua sắm thiết bị phục vụ kiểm kê	1.192.000			1.192.000
V	<i>Thuế GTGT (10%)</i>	30.361.888	Chỉ tính trên phần công việc: Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất, khảo sát, thiết kế, lập dự toán và kiểm tra nghiệm thu.		30.361.888
	Thuế giá trị gia tăng : (I+II+III) x 10%	30.361.888			30.361.888